

CHƯƠNG 3

PHÂN TÍCH, THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN TIN HỌC HOÁ

Nguyễn Văn Quang

1

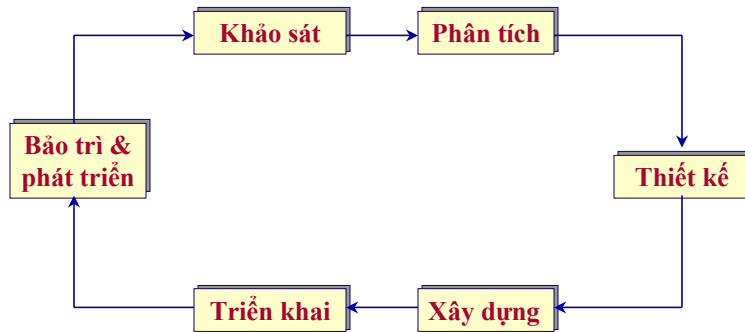
MỤC TIÊU CHƯƠNG 3

1. Trình bày & phân tích được sơ đồ tổng quát đầu vào, xử lý & đầu ra của HTTTKT.
2. Trình bày được chức năng các nhóm CSDL. Phân tích được mối quan hệ giữa chúng.
3. Trình bày & phân tích được các dữ liệu đầu vào của HTTTKT.
4. Trình bày & phân tích được quy trình xử lý dữ liệu của các phân hệ kế toán.
5. Trình bày & phân tích được ưu, nhược điểm của các PP xử lý bút toán trùng.

Nguyễn Văn Quang

2

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG

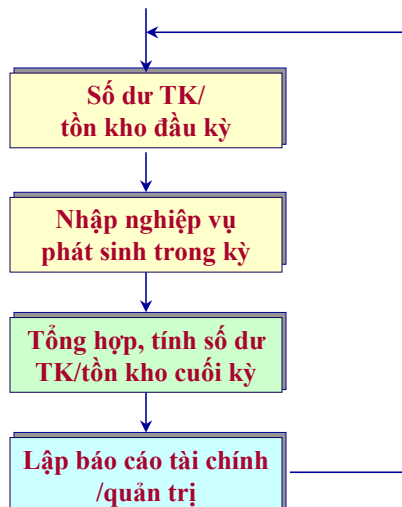


Với mỗi giai đoạn:

- Mục đích.
- Những hoạt động chính.
- Các phương pháp thực hiện.
- Các kết quả.



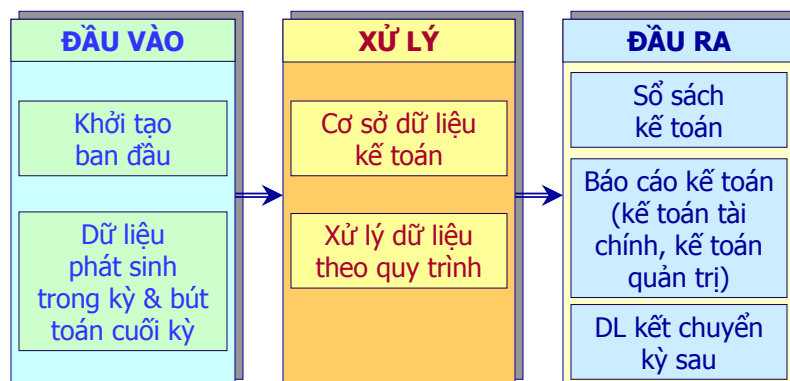
QUY TRÌNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



NỘI DUNG CHƯƠNG 3

1. Sơ đồ tổng quát đầu vào, xử lý & đầu ra của HTTTKT. ☐
2. Đầu vào của HTTTKT. ☐
3. Xử lý dữ liệu của HTTTKT. ☐
4. Đầu ra của HTTTKT. ☐

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT ĐẦU VÀO, XỬ LÝ DL & ĐẦU RA



KHỞI TẠO BAN ĐẦU

1. Khai báo các thông số hệ thống.
2. Xây dựng & cập nhật các bộ mã.
3. Cập nhật số dư ban đầu.
4. Phân quyền sử dụng chương trình & truy cập dữ liệu.

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Khai báo các thông số hệ thống

1. Lý do khai báo các thông số hệ thống.
2. Các thông số khai báo.

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Khai báo các thông số hệ thống

Lý do khai báo:

Một phần mềm kế toán có thể đáp ứng cho nhiều DN trong khi mỗi DN có đặc điểm, phương pháp hạch toán, ... khác nhau.

Thời điểm thực hiện:

Trước khi đưa phần mềm vào khai thác.

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Các thông số khai báo

- 1. Thông tin chung về DN.**
- 2. Thông tin về chế độ kế toán áp dụng tại DN.**
- 3. Thông số khác.**

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Thông tin chung về DN

STT	Nội dung khai báo
1	Tên đơn vị chủ quản (nếu có)
2	Tên đơn vị hạch toán
3	Địa chỉ đơn vị
4	Số điện thoại
5	Số Fax
6	Mã số thuế
7	Địa chỉ EMail
8	Địa chỉ trang WEB
9	Tên Tổng Giám đốc/Giám đốc
10	Tên Kế toán trưởng

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Thông tin về chế độ kế toán áp dụng tại DN

STT	Nội dung khai báo
1	PP tính khấu hao TSCĐ (tuyến tính/số dư giảm dần)
2	PP hạch toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ)
3	PP tính giá hàng tồn kho (FIFO/LIFO/bình quân/đích danh)
4	PP tính thuế (trực tiếp/khấu trừ)
5	Hình thức sổ kế toán (NKý chung/CTGSổ/NKý sổ cái/NKý chứng từ)
6	PP hạch toán ngoại tệ (tỷ giá thực tế/tỷ giá hạch toán)
7	Kỳ báo cáo (tháng/quý/năm)
8	PP tính giá thành (giản đơn/đơn đặt hàng/hệ số/tỷ lệ/...)
9	Loại tiền tệ hạch toán (VND/ngoại tệ - USD, JPY, ...)

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Thông số khác

STT	Nội dung khai báo
1	PP khử bút toán trùng

Ví dụ khai báo thông số hệ thống của phần mềm Fast Accounting

FAST Các tham số hệ thống, F7-In, Esc-Quay ra		
Stt	Tham số	Giá trị
001	Mã số thuế của doanh nghiệp	MST GTGT
002	Tỉnh thành	TP Đà Nẵng
003	Quận huyện	Quận Hải Châu
004	Điện thoại	05113-000001
004	Fax	05113-000001
004	Email	fast@hn.vnn.vn
006	Họ và tên của kế toán trưởng	KTT ABC
007	Chief accountant name	KTT ABC
008	Họ và tên của giám đốc	Giám Đốc FA
009	Director's name	GD ABC
011	Mã đồng tiền hạch toán	VND
012	Ngôn ngữ ngầm định của báo cáo: 1 - Việt, 2 - An	1
013	Mẫu báo cáo ngầm định: 1 - VND, 2 - Ngoại tệ	1
014	Dấu phân cách hàng nghìn khi viết các số	
015	Dấu phân cách số thập phân khi viết các số	
016	Khuôn dạng của trường tiền	999 999 999 999 999 999
017	Khuôn dạng của trường tiền ngoại tệ	999 999 999 999.99
018	Khuôn dạng của trường tỷ giá	9 999 999.99
019	Khuôn dạng của trường số lượng	999 999 999.99
020	Khuôn dạng của trường giá	99 999 999 999.99
021	Khuôn dạng của trường giá ngoại tệ	9 999 999 9999
022	Phông chữ báo cáo	VnAvant
023	Phông chữ tiêu đề báo cáo	VnHelvetInsH, 16, 0
024	Phông chữ báo cáo phần Người lập biểu, Kế toán	VnArialH, 8, 0

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Xây dựng & cập nhật các bộ mã

- Tiền đề để cập nhật số dư ban đầu & nhập thông tin nghiệp vụ.
- Thực hiện sau khi hoàn thành khai báo các thông số hệ thống.

Các bộ mã cần được xây dựng:

STT	Bộ mã	STT	Bộ mã
1	Tài khoản	2	TSCĐ
3	NL, VL, CC, DC, TPhẩm, HH	4	Đơn vị tín dụng
5	Loại tiền tệ	6	Phòng ban
7	Cán bộ CNV	8	K.hàng (phải thu, phải trả)
9	Kho	10	Loại chứng từ
11	Đối tượng tập hợp chi phí	12	Mã loại chi phí
13	PP tính giá xuất kho	14	Người sử dụng Chg trình, ...

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

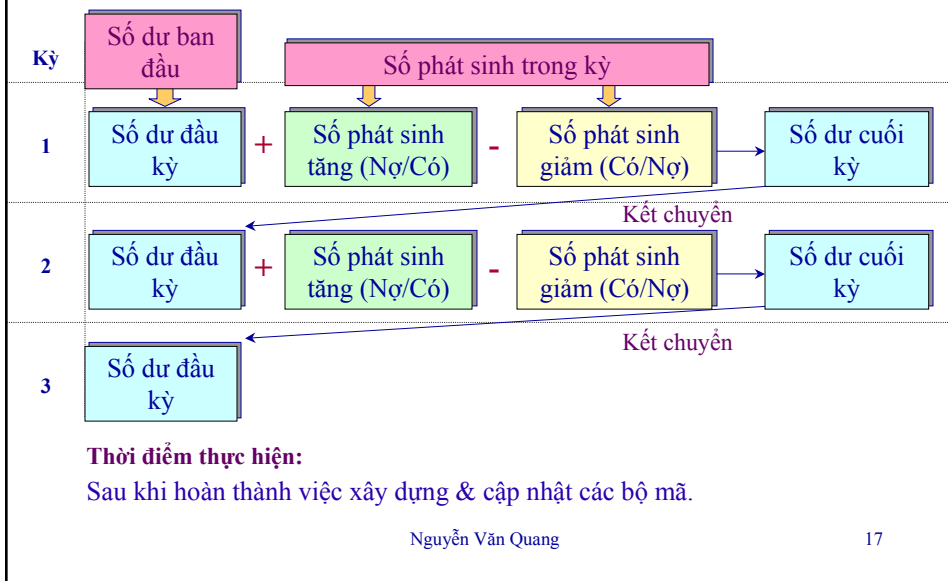
Xây dựng & cập nhật các bộ mã

Chi chú:

- Các phương pháp mã hoá được giới thiệu trong chương mã hoá dữ liệu kế toán.
- Trong quá trình sử dụng, bộ mã được cập nhật thường xuyên khi có đối tượng mới phát sinh.

KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Cập nhật số dư ban đầu



KHỞI TẠO BAN ĐẦU

Các đối tượng & nội dung cần cập nhật số dư ban đầu

Đối tượng	Dữ liệu cập nhật
Tài khoản	Số dư đầu kỳ, lũy kế số phát sinh (khi không phải đầu niên độ tài chính).
NL, VL, CC, DC, TP&H, Hàng hoá	Tồn kho đầu kỳ (số lượng, đơn giá) đến thời điểm hiện tại theo từng kho.
Tạm ứng, khách hàng (phải thu, phải trả)	Số dư đầu kỳ.
Ngoại tệ	Số dư đầu kỳ theo từng loại ngoại tệ, đơn vị tính.
Đối tượng tính giá thành	Số dư đầu kỳ
TSCĐ	Nguyên giá, khấu hao lũy kế, số kỳ khấu hao.
...	

Ví dụ nhập khởi tạo số dư tài khoản của phần mềm Fast Accounting

Vào số dư đầu kỳ của các tài khoản - 00000000, F3-Sửa, ^F/G-Tìm, F10-Tính tổng, Esc-Qu...						
Tk	Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	Dư nợ nt đầu kỳ	Dư có nt đầu kỳ	Dư nợ đầu năm tại chính	Dư có đầu năm tại chi
001						
002						
003						
004						
007						
008						
1111	100 000 000				100 000 000	
1112						
1113						
1121						
1122						
1123						
1131						
1132						
12111						

Nguyễn Văn Quang

19

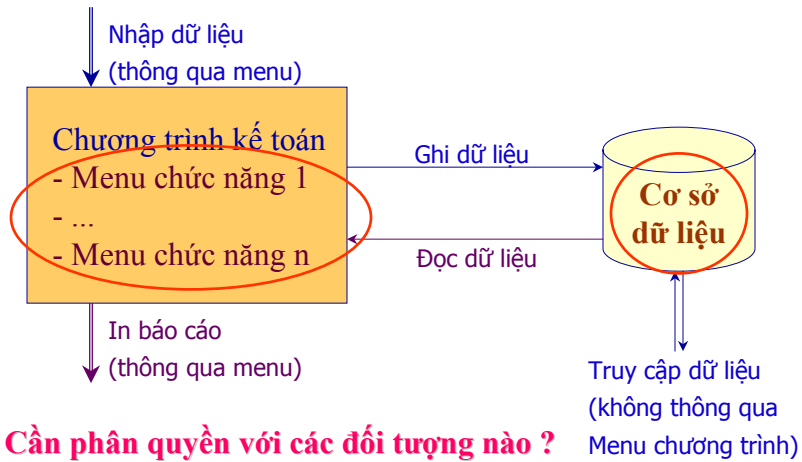
Ví dụ nhập khởi tạo số dư công nợ phải thu của phần mềm Fast Accounting

Vào số dư công nợ phải thu đầu kỳ, F3-Sửa, F4-Them, F8-Xóa, ^F/G-Tìm, F10-Tính tổng, Esc-Qu...							
Ma dvcs	Tk	Ma kh	Ten kh	Dư nợ đầu kỳ	Dư có đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ nt	Dư có đầu kỳ nt
00000000	131111	EVN3	Công ty Điện lực 3	1 000 000 000			

Nguyễn Văn Quang

20

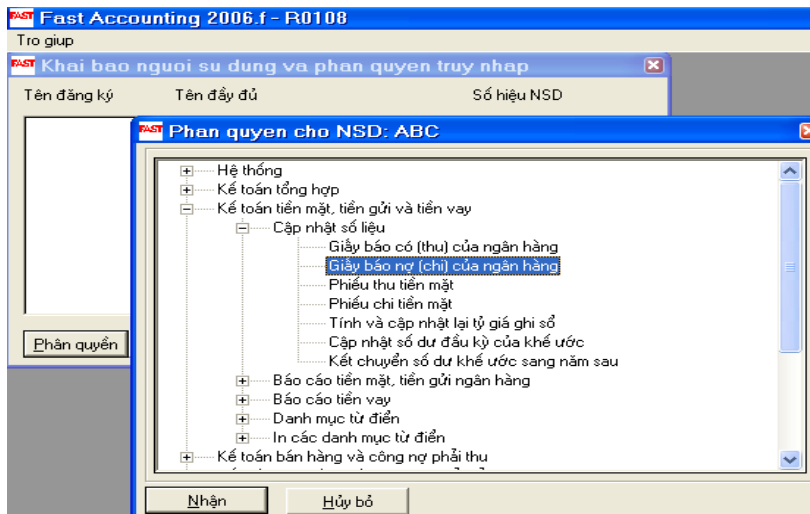
PHÂN QUYỀN CHƯƠNG TRÌNH



Nguyễn Văn Quang

21

Ví dụ phân quyền sử dụng của phần mềm Fast Accounting



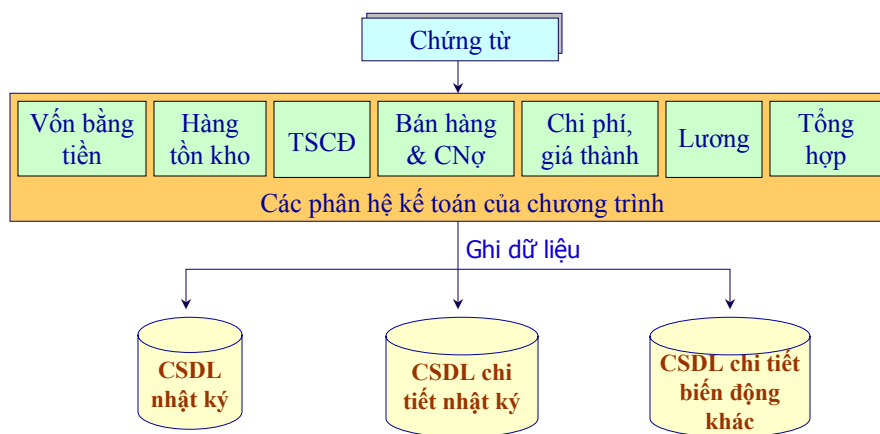
Nguyễn Văn Quang

22

DỮ LIỆU PHÁT SINH TRONG KỲ

1. Dữ liệu phát sinh tại các phân hệ kế toán.
2. Các bút toán điều chỉnh cuối kỳ.

DỮ LIỆU PHÁT SINH TẠI CÁC PHÂN HỆ KẾ TOÁN



CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH CUỐI KỲ

- Các bút toán phân bổ (CPSX chung, CP mua hàng, ...).
- Hạch toán khấu hao TSCĐ (nếu không có phân hệ theo dõi TSCĐ hoặc phân hệ theo dõi TSCĐ không tự động tạo bút toán khấu hao).
- Lương & các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) (nếu không có phân hệ theo dõi tiền lương hoặc phân hệ theo dõi tiền lương không tự động tạo bút toán trích theo lương).
- Lập dự phòng.

CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH CUỐI KỲ (tt)

- Các bút toán về thuế.
- Các bút toán điều chỉnh sau khi kiểm kê.
- Các bút toán bù trừ công nợ.
- Các bút toán kết chuyển (TKhoản loại 5, 6, 7, 8 → 9, TKhoản loại 9 → 4).

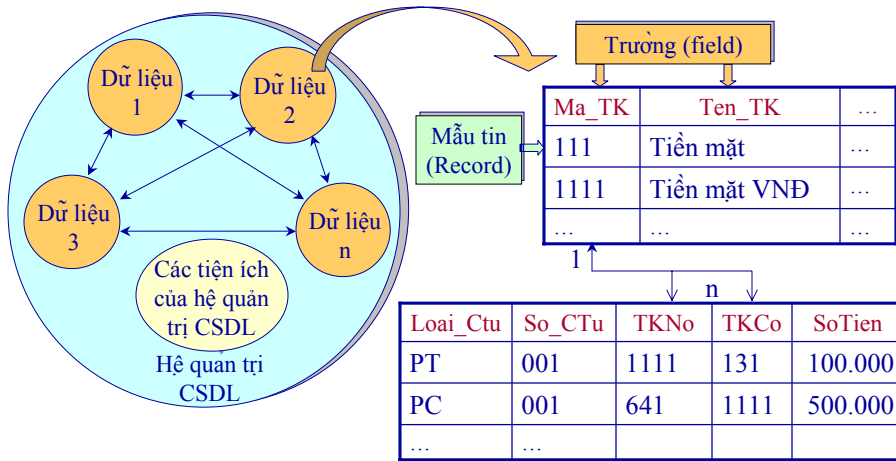
XỬ LÝ DỮ LIỆU

- 1. Hệ thống cơ sở dữ liệu (phụ lục).**
- 2. Quy trình luân chuyển, xử lý dữ liệu & cung cấp thông tin.**
- 3. Xử lý bút toán trùng.**

HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

- 1. Khái niệm cơ sở dữ liệu.**
- 2. Chức năng, cấu trúc các tệp cơ sở dữ liệu kế toán.**

KHÁI NIỆM CƠ SỞ DỮ LIỆU



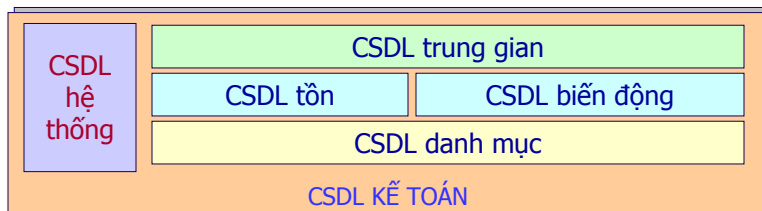
Nguyễn Văn Quang

29

CHỨC NĂNG, CẤU TRÚC CSDL KẾ TOÁN

- Mỗi phần mềm có hệ thống CSDL khác nhau nên quy trình luân chuyển, xử lý dữ liệu khác nhau.
- Để tạo thuận lợi trong nghiên cứu, chúng ta đề xuất một ví dụ hệ thống CSDL mẫu.

Có thể phân CSDL này thành các nhóm sau đây:



Nguyễn Văn Quang

30

CSDL HỆ THỐNG

Lưu thông tin hệ thống:

- Danh mục các menu chức năng của chương trình.
- Danh sách người sử dụng chương trình.
- Các thông tin hệ thống chương trình.
- ...

CSDL DANH MỤC

- Lưu dữ liệu các bộ mã. Tạo cơ sở cho việc nhập số dư ban đầu & các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.
- Dữ liệu danh mục được nhập ban đầu ở bước xây dựng & cập nhật bộ mã.
- Trong suốt quá trình sử dụng chương trình, nó được cập nhật thường xuyên khi phát sinh đối tượng mới.
- Ai có chức năng “Thêm” / “Sửa” / “Xoá” danh mục ?
- Gồm các DANH MỤC nào ?

CSDL TÒN

- Lưu trữ dữ liệu tồn/số dư đầu kỳ, cuối kỳ các đối tượng theo dõi.
- Dữ liệu cập nhật ở bước nhập số dư ban đầu.
- Tổ chức theo từng tháng, quý hoặc năm.
- Gồm các CSDL TÒN nào ?

CSDL BIẾN ĐỘNG

- Lưu trữ dữ liệu các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.
- Tổ chức theo từng tháng hoặc năm (nếu số lượng nghiệp vụ trong kỳ nhiều thường được tổ chức theo tháng).

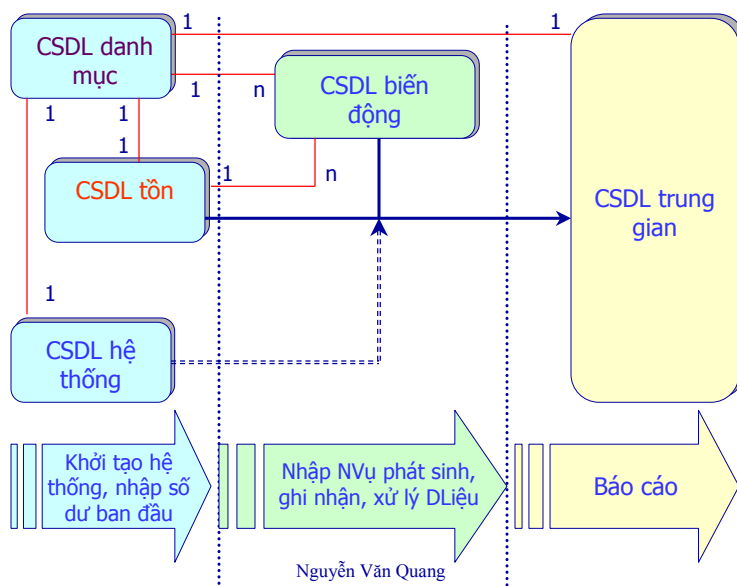
CSDL TRUNG GIAN

- Lưu dữ liệu là kết quả của các quy trình xử lý, tổng hợp dữ liệu.
- Có thể tồn tại lâu dài hoặc được tạo ra trong quá trình xử lý dữ liệu rồi xoá ngay.
- CSDL được tạo ra trong quá trình xử lý rồi xoá ngay có cấu trúc phụ thuộc vào *quá trình xử lý của người viết chương trình*.
- CSDL tồn tại lâu dài là CSDL lưu dữ liệu lập báo cáo tài chính.

Nguyễn Văn Quang

35

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NHÓM CSDL KẾ TOÁN

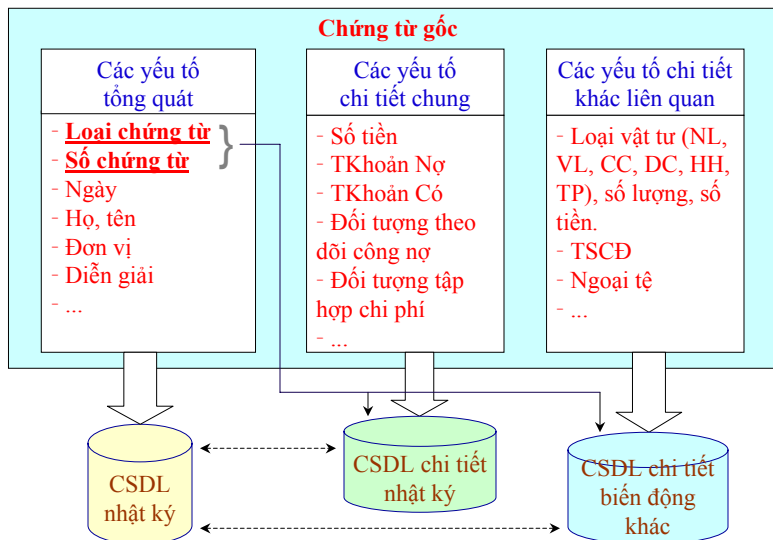


36

QUY TRÌNH CẬP NHẬT, XỬ LÝ DỮ LIỆU & CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Sơ đồ tổng quát cập nhật dữ liệu phát sinh trong kỳ.
2. Quy trình xử lý dữ liệu & cung cấp thông tin kế toán tổng hợp.
3. Quy trình xử lý dữ liệu & cung cấp thông tin kế toán chi tiết.

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT CẬP NHẬT DỮ LIỆU PHÁT SINH



VÍ DỤ CẬP NHẬT DỮ LIỆU

NVu 1: Ngày **03/11/N**, đơn vị chi tiền mặt tạm ứng (phiếu chi số **001**) cho CBCNV có mã **ABC** với số tiền **700.000 VNĐ**.

NVu 2: Ngày **04/11/N**, đơn vị mua 2 loại vật tư có mã **0012 & 0054** (SLg: **10 & 20**, Đgiá: **30.000 & 10.000 VNĐ**) từ nhà cung ứng **XYZ**, nhập kho **A** (phiếu nhập số **001**). Chưa trả tiền. Tổng tiền hàng **500.000 VNĐ**, thuế GTGT **10%** (**50.000 VNĐ**).

VÍ DỤ CẬP NHẬT DỮ LIỆU

NVu 3: Ngày **07/11/N**, đơn vị xuất bán vật tư mã **0012**, từ kho **A** (phiếu xuất số **009**), SLg: **5**, Đgiá bán: **31.000 VNĐ** cho KH **KKH**, Chưa trả tiền. thuế GTGT **10%**.

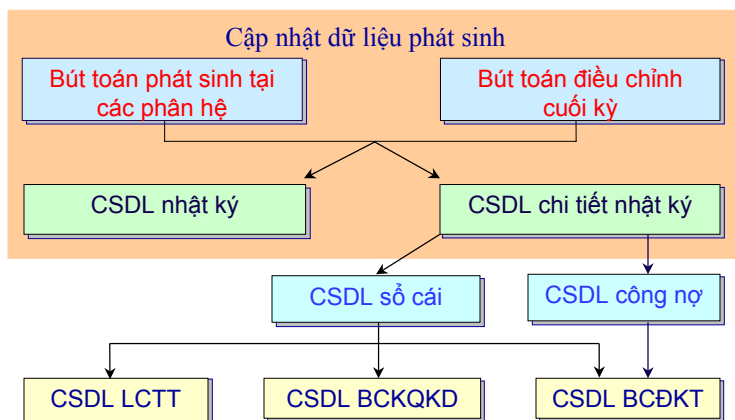
VÍ DỤ CẬP NHẬT DỮ LIỆU

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	CSDL Nh?t ký								
2	Lo?i CT?	S? CT?	Ngày CT?	N?i dung	...				
3									
4									
5									
6	CSDL Chi ti?t nh?t ký								
7	Lo?i CT?	S? CT?	TKN?	ĐT??ng N?	TKCó	ĐT??ng Có	S? ti?n		
8									
9									
10									
11									
12	CSDL khác ti?t bi?n								
13	Lo?i CT?	S? CT?	Mã kho	Mã VT?	S? l??ng	S? ti?n	S? ti?n bán	...	
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									
21									
22									
23									
24									

Nguyễn Văn Quang

41

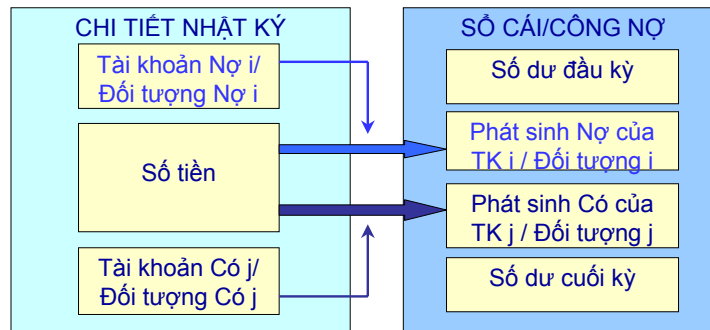
QUY TRÌNH XỬ LÝ DỮ LIỆU & CUNG CẤP THÔNG TIN KẾ TOÁN TỔNG HỢP



Nguyễn Văn Quang

42

QUY TRÌNH TỔNG HỢP DỮ LIỆU TỪ CSDL CHI TIẾT NHẬT KÝ VÀO CSDL SỔ CÁI/CÔNG NỢ



Nguyễn Văn Quang

43

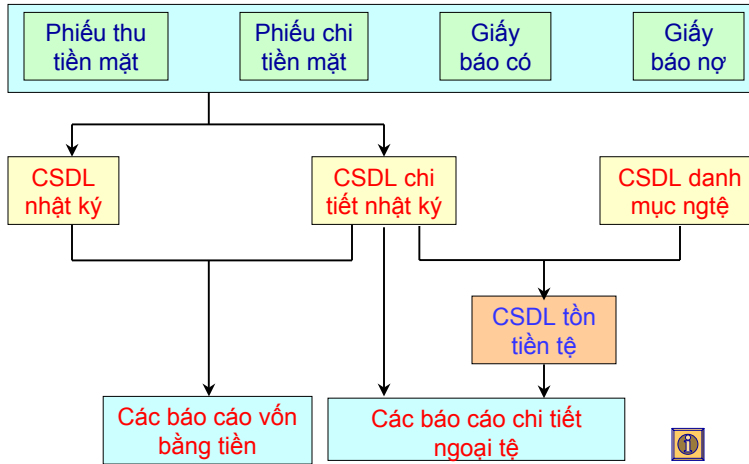
QUY TRÌNH XỬ LÝ DỮ LIỆU & CUNG CẤP THÔNG TIN KẾ TOÁN CHI TIẾT

- A. Phân hệ kế toán vốn bằng tiền (tiền mặt, ngân hàng).
- B. Phân hệ hàng tồn kho (NL, VL, hàng hoá, thành phẩm).
- C. Phân hệ bán hàng.
- D. Phân hệ mua hàng.
- E. Phân hệ tài sản cố định.
- F. Phân hệ chi phí sản xuất & giá thành.

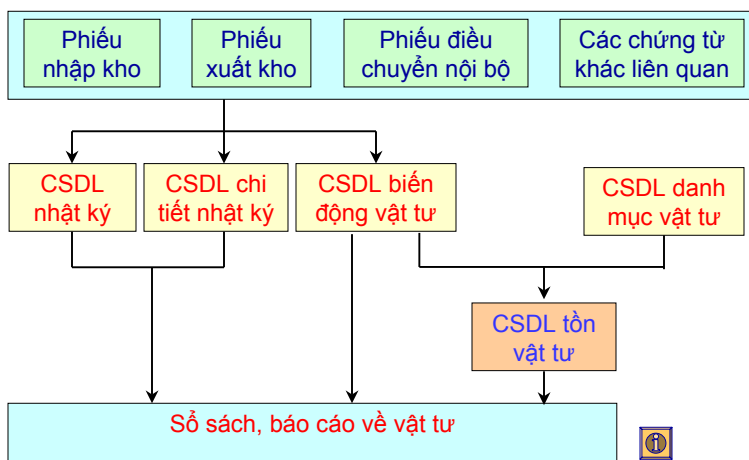
Nguyễn Văn Quang

44

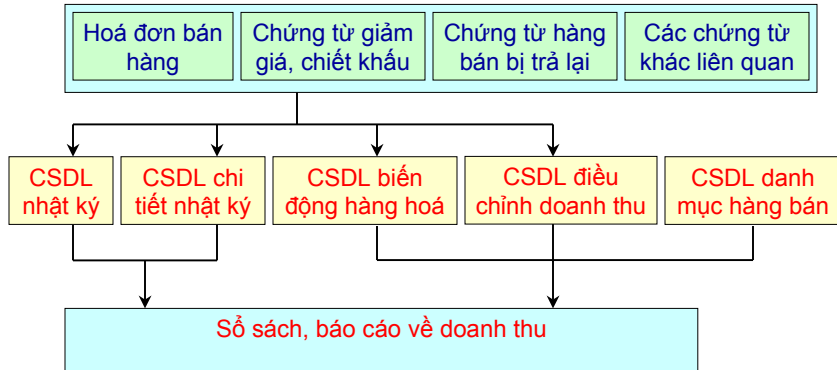
PHÂN HỆ VỐN BẰNG TIỀN



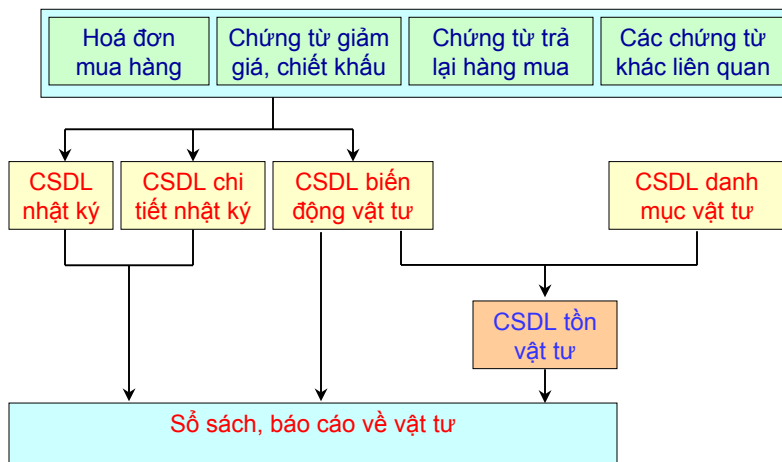
PHÂN HỆ HÀNG TỒN KHO



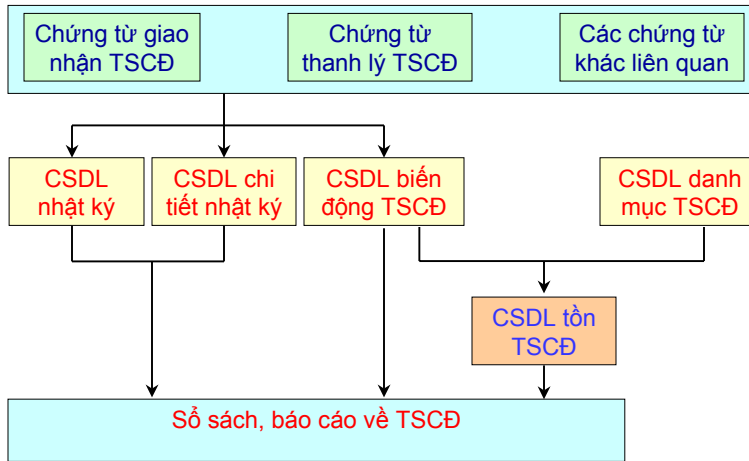
PHÂN HỆ BÁN HÀNG



PHÂN HỆ MUA HÀNG



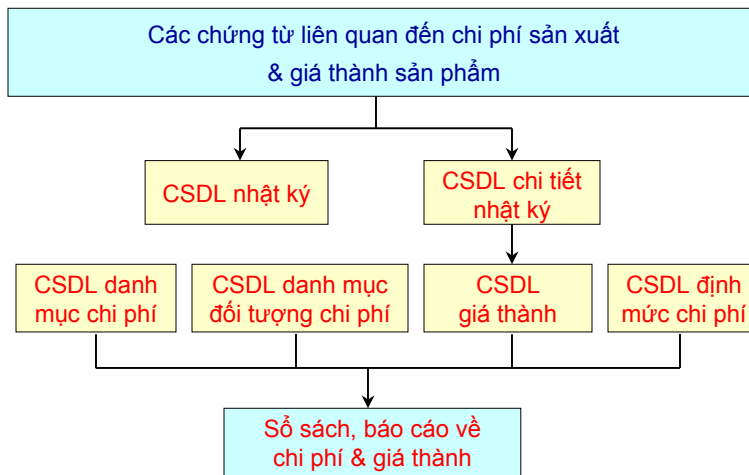
PHÂN HỆ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Nguyễn Văn Quang

49

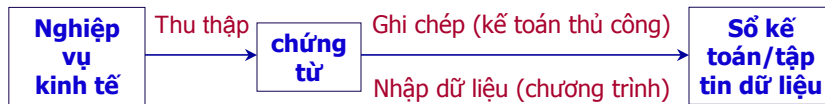
PHÂN HỆ CHI PHÍ SẢN XUẤT & GIÁ THÀNH



Nguyễn Văn Quang

50

SỰ CẦN THIẾT XỬ LÝ BÚT TOÁN TRÙNG



- Có nghiệp vụ kinh tế nào làm phát sinh hơn một chứng từ gốc không ?
- Nếu tất cả các chứng từ gốc đều được ghi chép/nhập dữ liệu và tổng hợp, sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các báo cáo kế toán ?

SỰ CẦN THIẾT XỬ LÝ BÚT TOÁN TRÙNG (tt)

Ví dụ: Chi 10 triệu tiền mặt VNĐ nộp vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- 2 chứng từ gốc: **phiếu chi tiền mặt & giấy báo có.**
- Hai chứng từ này được hạch toán giống nhau

Nhận xét: Nếu cả 2 chứng từ này đều được ghi sổ.

- Số phát sinh nợ TK 1121 & PS có TK 1111 là 20 Triệu.
- Thông tin trên báo cáo kế toán không chính xác.
- **Phải loại bỏ một bút toán.**

SỰ CẦN THIẾT XỬ LÝ BÚT TOÁN TRÙNG (tt)

Những loại nghiệp vụ sau làm phát sinh hai loại chứng từ gốc:

a. Liên quan đến tiền mặt & ngân hàng:

- Chi tiền mặt nộp vào ngân hàng hoặc ngược lại.
- Rút tiền ngân hàng này nộp vào ngân hàng khác hoặc ngược lại.
- Chi tiền mặt VNĐ đi mua ngoại tệ hoặc ngược lại.

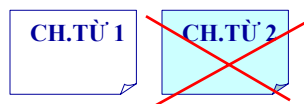
b. Liên quan đến vật tư, hàng hoá, TSCĐ,... & tiền mặt/ngân hàng:

- Mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, ... trả ngay bằng tiền mặt/ngân hàng hoặc ngược lại.

c. Thanh toán tạm ứng mua vật tư, hàng hoá, ...

CÁC PP XL BTT TRONG CÁC PHẦN MỀM KẾ TOÁN HIỆN NAY

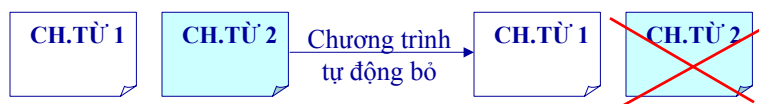
1. Chỉ cập nhật một trong hai chứng từ gốc.



2. Cập nhật cả hai chứng từ, hạch toán qua tài khoản trung gian.



3. Cập nhật cả hai chứng từ, tự động loại bỏ một bút toán.



PP CHỈ CẬP NHẬT 1 TRONG 2 CHỨNG TỪ GỐC

A. Cách thực hiện: Chỉ cập nhật một trong hai chứng từ gốc.

B. Ví dụ: Nghiệp vụ chi tiền mặt nộp tiền gửi ngân hàng.

	Tiền mặt	Tiền gửi NHàng
Chứng từ gốc	Phiếu chi tiền mặt	Giấy báo Có
Định khoản	Nợ TK 1121 – Có TK 1111	Nợ TK 1121 – Có TK 1111
Ghi sổ (cách 1)	Có thực hiện	Không thực hiện
Ghi sổ (cách 2)	Không thực hiện	Có thực hiện

C. Nhận xét:

- PP này sử dụng cho cả kế toán thủ công & bằng chương trình.
- Cách làm đơn giản, dễ thực hiện.
- Rất dễ xảy ra sai sót (nhập cả hai chứng từ gốc hoặc không nhập chứng từ nào).

PP HẠCH TOÁN QUA TÀI KHOẢN TRUNG GIAN

A. Cách thực hiện: Cả hai chứng từ gốc đều được cập nhật. Nhưng được hạch toán qua một tài khoản trung gian (ví dụ TK **131**).

B. Ví dụ: Nghiệp vụ bán hàng hoá nhận tiền mặt ngay.

	Tiền mặt	Bán hàng
Chứng từ gốc	Phiếu thu tiền mặt	Hoá đơn bán hàng
Định khoản	Nợ TK 1111 – Có TK 131	Nợ TK 131 – Có TK 511
Ghi sổ	Có thực hiện	Có thực hiện

C. Nhận xét:

- PP này sử dụng cho cả kế toán thủ công & bằng chương trình.
- Đơn giản, dễ thực hiện.
- Số lượng bút toán tăng lên.
- Định khoản không thể hiện đúng nội dung thật sự của nghiệp vụ.

PP TỰ ĐỘNG LOẠI BỎ MỘT BÚT TOÁN

A. Cách thực hiện: Cả hai chứng từ gốc đều được cập nhật. Chương trình sẽ tự động loại bỏ một bút toán dựa trên việc xác định thứ tự ưu tiên loại chứng từ hạch toán. ▶

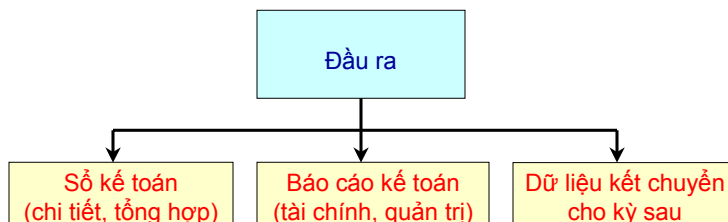
B. Ví dụ: Nghiệp vụ chi tiền mặt nộp tiền gửi ngân hàng.

	Tiền mặt	Tiền gửi NHàng
Chứng từ gốc	Phiếu chi tiền mặt	Giấy báo Có
Định khoản	Nợ TK 1121 – Có TK 1111	Nợ TK 1121 – Có TK 1111
Ghi số	Có thực hiện	Có thực hiện

C. Nhận xét:

- PP này chỉ sử dụng khi thực hiện bằng chương trình.
- Giúp DN dễ dàng đối chiếu phát hiện thiếu chứng từ gốc.
- Thứ tự ưu tiên loại chứng từ hạch toán là tùy thuộc vào DN.

ĐẦU RA CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN



SỔ KẾ TOÁN

1. Sổ kế toán trong điều kiện áp dụng máy vi tính.
2. Sổ kế toán tổng hợp.
3. Sổ kế toán chi tiết.

SỔ KẾ TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG MÁY VI TÍNH

A. Kế toán thủ công:

Áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán:

(QĐ 15/2006/QĐ-BTC)

NKý chung, NKý chứng từ, NKý sổ cái & chứng từ ghi sổ.

B. Áp dụng máy vi tính:

Chỉ là mẫu biểu được in ra từ chương trình để kiểm tra, xác nhận & lưu trữ.

Khi DN áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, mẫu sổ kế toán áp dụng giống như mẫu sổ kế toán thủ công.

SỔ KẾ TOÁN TỔNG HỢP

A. Các sổ kế toán tổng hợp:

- Mẫu sổ tương ứng với hình thức sổ.

Ví dụ: Sổ kế toán tổng hợp theo hình thức nhập ký chung gồm: NKý chung, NKý đặc biệt (nếu có - thu tiền, chi tiền, mua hàng, bán hàng), sổ cái.

B. Nguồn Dữ liệu:

Dữ liệu để in các sổ kế toán tổng hợp: CSDL nhật ký, nhật ký chi tiết, sổ cái.

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

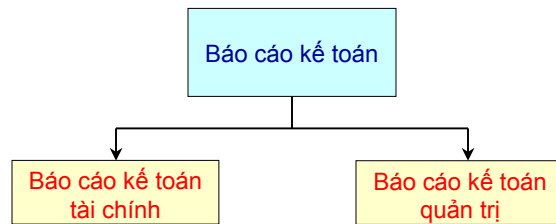
A. Các sổ kế toán chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt.
- Bảng kê các chứng từ tiền mặt, ngân hàng.
- Sổ chi tiết vật tư.
- Sổ chi tiết TSCĐ.
- Sổ chi tiết công nợ.
-

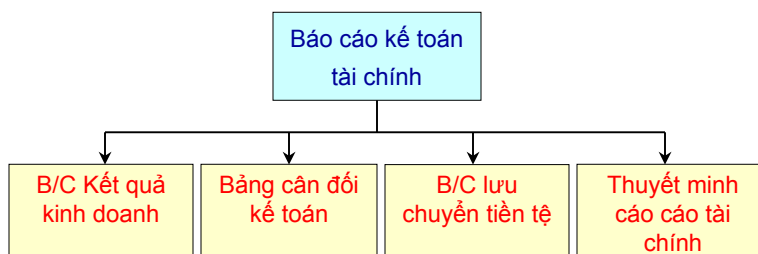
B. Nguồn Dữ liệu:

Dữ liệu để in các sổ kế toán chi tiết: CSDL biến động, tồn của đối tượng cần in sổ chi tiết.

BÁO CÁO KẾ TOÁN



BÁO CÁO KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



- Dữ liệu để in các B/C tài chính là các CSDL trung gian.

BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

A. Gồm các báo cáo:

- BC chi tiết, tổng hợp doanh thu.
- BC chi tiết, tổng hợp chi phí.
- BC kết quả kinh doanh các mặt hàng.
- BC kết quả kinh doanh các bộ phận.
- BC công nợ theo tuổi nợ.
- BC chi tiết, tổng hợp kế ước vay.
-

B. Nguồn Dữ liệu:

- CSDL danh mục có liên quan.
- Các CSDL NKý, NKý chi tiết.
- CSDL biến động đối tượng có liên quan.

DỮ LIỆU KẾT CHUYỂN KỲ SAU

- Chương trình tự động tính Số dư cuối kỳ.

(Số dư cuối kỳ = Số dư đầu kỳ + phát sinh tăng - phát sinh giảm)

- Tự động thực hiện gán số dư đầu kỳ sau bằng số dư đầu kỳ trước.

KẾT THÚC CHƯƠNG